

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ;

Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh C T, sinh năm 1986.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương G A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022).

- Bị đơn: 1. Ông Huỳnh V Đ, sinh năm 1968;

2. Bà Nguyễn T N D, sinh năm 1970;

3. Ông Huỳnh V T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương G A trình bày:

Trước đây, vào ngày 27/07/2015, ông Huỳnh V Đ, bà Nguyễn T N D và ông Huỳnh V T cùng ông Trịnh C T, chủ Hộ kinh doanh T cùng nhau thỏa thuận về việc mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông Đ, bà D và ông T nuôi tôm.

Theo thỏa thuận thì ông T bán cho ông Đ, bà D và ông T các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Về phương thức thanh toán ông Đ, bà D và ông T phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông T khi thu hoạch tôm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông Đ, bà D và ông T theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng ông Đ, bà D và ông T đều không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ ông T. Tuy nhiên, ông Đ, bà D và ông T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính tới ngày 11/10/2021, ông Huỳnh V Đ, bà Nguyễn T N D và ông Huỳnh V T vẫn còn nợ ông T số tiền là: 189.534.000 đồng. Sau đó có trả được 500.000 đồng nên số nợ còn lại là 189.034.000 đồng.

Nay ông Trịnh C T – Đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà D và ông T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trịnh C T, chủ Hộ kinh doanh T số tiền là 189.034.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đầy trình bày:

Ông thừa nhận trong quá trình mua bán còn nợ ông Trịnh C T đại diện hộ kinh doanh T số tiền 189.034.000 đồng, ông đồng ý trả số nợ này nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, ông yêu cầu trả mỗi tháng 500.000 đồng. Vợ ông là bà Nguyễn T N D và con ông là Huỳnh V T có ký nhận trong sổ mua thức ăn tôm với bên ông Trịnh C T là đúng nhưng chỉ là ký nhận mua dùm ông, không liên quan gì đến số nợ này, ông không yêu cầu bà D và ông T cùng ông trả số nợ cho nguyên đơn. Việc mua thức ăn tôm là để ông và bà D nuôi tôm chung phục vụ cho kinh tế của gia đình.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn T N D và ông Huỳnh V T:

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo của Toà án theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn T N D và ông Huỳnh V T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn T N D và ông Huỳnh V T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D và ông T.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đ, bà D, ông T liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản cho ông T gốc là 189.034.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu của ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T:

Tại phiên tòa, ông Huỳnh V Đ thừa nhận khi đối chiếu công nợ ông còn nợ ông T số tiền 189.534.000 đồng sau đó có trả thêm được 500.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận ông Huỳnh V Đ còn nợ ông Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 189.034.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trịnh C T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Huỳnh V Đ. Ông Đ đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Đ chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và còn nợ lại số tiền là 189.034.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trịnh C T yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ 189.034.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông T và bà D đều ký nhận trong sổ mua thức ăn nuôi tôm của ông T, hơn nữa việc mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ chung cho việc nuôi tôm của vợ chồng ông Đ, bà D nên ông Đ, bà D, ông T phải cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ 189.034.000 đồng cho nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của bị đơn ông Huỳnh V Đ: Ông Đ trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình ông khó khăn không có khả năng trả nợ và yêu cầu trả mỗi tháng

500.000 đồng nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy ý kiến trình bày của ông Đ là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Đ, bà D ông T liên đới trả số tiền là 189.034.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh V Đ, bà Nguyễn T N D, ông Huỳnh V T trả số nợ.

2. Buộc bị đơn Huỳnh V Đ, bà Nguyễn T N D, ông Huỳnh V T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền là 189.034.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.738.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009865 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Huỳnh V Đ, bà Nguyễn T N D, ông Huỳnh V T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.451.700 đồng (chín triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện MX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện MX,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến